

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ****Mã hồ sơ:.....**

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Toán Giải tích

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Văn Kiên

2. Ngày tháng năm sinh: 16/07/1985; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Tú Sơn, Huyện Kiến Thụy, Thành Phố Hải Phòng

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Thôn 7, Xã Tú Sơn, Huyện Kiến Thụy, Hải Phòng

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Nguyễn Văn Kiên, Bộ môn Toán Giải tích, Khoa Khoa học Cơ bản, Trường Đại học Giao thông Vận tải, Số 3, Phố Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0934668779;

E-mail: kiennv@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 09/2007 đến 06/2009: Trợ giảng tại Bộ môn Toán Giải tích, Khoa Khoa học Cơ bản, Trường Đại học Giao thông Vận tải

Từ 07/2009 đến 11/2013: Giảng viên tại Bộ môn Toán Giải tích, Khoa Khoa học Cơ bản, Trường Đại học Giao thông Vận tải

Từ 12/2013 đến 02/2017: Học tiến sĩ tại Trường Đại học Friedrich Schiller Jena, Cộng hòa Liên bang Đức

Từ 11/2017 đến 10/2019: Nghiên cứu sau tiến sĩ tại Trường Đại học Bonn, Cộng hòa liên bang Đức

Từ 12/2019 đến 06/2025: Giảng viên tại Bộ môn Toán Giải tích, Khoa Khoa học Cơ bản, Trường Đại học Giao thông Vận tải

Chức vụ hiện nay: Giảng viên (Chức vụ đang: Bí thư chi bộ); Chức vụ cao nhất đã qua: Bí thư chi bộ

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Giao thông Vận tải

Địa chỉ cơ quan: Số 3, Phố Cầu Giấy, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 22 tháng 06 năm 2007, số văn bằng: QC 049161, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán học

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 20 tháng 06 năm 2011, số văn bằng: QM 012540, ngành: Toán học, chuyên ngành: Lý thuyết xác suất và thống kê toán học

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Được cấp bằng TS [5] ngày 03 tháng 02 năm 2017, số văn bằng: , ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán Giải tích

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Friedrich Schiller Jena, Cộng hòa Liên bang Đức

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giao thông vận tải

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu xấp xỉ và tích phân gần đúng các hàm trong không gian có độ trơn hỗn hợp
- Nghiên cứu tính chất nhúng, tính chất nhân và đối biến trong các không gian hàm
- Nghiên cứu xấp xỉ bằng mạng nơ-ron sâu

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Bộ; 1 cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 22 bài báo khoa học, trong đó 21 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Thưởng công trình Toán học năm 2018 của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 đến 2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2018
2	Thưởng công trình Toán học năm 2020 của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010 đến 2020	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2020
3	Thưởng công trình Toán học xuất sắc năm 2023 thuộc Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2021 đến 2030	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2023

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Đảm bảo đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực giảng dạy
- Có tư tưởng và đạo đức nghề nghiệp tốt, có ý thức giữ gìn phẩm chất đạo đức của nhà giáo
- Có ý thức kỷ luật và trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ
- Có đủ sức khỏe để thực hiện các nhiệm vụ được giao

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 10 năm 0 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2012-2013					630		630/755,4/280
2	2020-2021					630		630/653,03/270
3	2021-2022					557		557/637,08/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023			1		333		333/408,58/250
5	2023-2024			1	2	348		348/417,05/240
6	2024-2025			2		525		525/540,15/220

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

- a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:
- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm
 - Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Cộng hòa liên bang Đức năm 2017
- b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:
- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:
- c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:
- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:
 - Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):
- d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT (năm 2013)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/B SNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVC H/CK 2/BSN T	Chính	Phụ			
1	Phạm Trường Giang		X	X		05/2021 đến 10/2022	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	12/10/2022
2	Vũ Đức Minh		X	X		11/2023 đến 07/2024	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	24/07/2024
3	Nguyễn Đoàn Yến Linh		X		X	11/2023 đến 11/2024	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	26/11/2024
4	Phan Thị Minh Huế		X	X		01/2024 đến 01/2025	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	16/01/2025

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ tran g ... đến tran g)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/T K	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Xấp xỉ phương trình đạo hàm riêng ngẫu nhiên hoặc phụ thuộc tham số bằng mạng neuron sâu và các bài toán có số chiều rất lớn liên quan	CN	B2023-CTT-08, cấp Bộ	01/01/2023 đến 31/12/2024	Ngày 11/12/2024 / Kết quả: Xuất sắc
2	Xấp xỉ tốt nhất bằng n số hạng các hàm trong không gian có độ trơn hỗn hợp	CN	T2022-CB-009, cấp Cơ sở	01/01/2022 đến 31/12/2022	Ngày 03/11/2022 / Kết quả: Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Bernstein numbers of isotropic and dominating mixed Besov spaces	1	Có	Mathematische Nachrichten	Có - SCIE IF: 1.5, Q1		288, 14-15, 1694-1717	05/2015
2	Weyl numbers of embeddings of tensor	2	Có	Journal of Approximation Theory	Có - SCIE IF: 1.09, Q2		200, 170-220	12/2015

	product Besov spaces							
3	Weyl and Bernstein numbers of embeddings of Sobolev spaces with dominating mixed smoothness	1	Có	Journal of Complexity	Có - SCIE IF: 1.39, Q1		36, 46-73	10/2016
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
4	Change of variable in spaces of mixed smoothness and numerical integration of multivariate functions on the unit cube	3	Có	Constructive Approximation	Có - SCIE IF: 1.48, Q2		46, 69-108	03/2017
5	Isotropic and dominating mixed Besov spaces: A comparison	2	Có	Contemporary Mathematics	Có - Scopus IF: 0.44		693, 363-389	07/2017
6	Gelfand numbers of embeddings of mixed Besov spaces	1	Có	Journal of Complexity	Có - SCIE IF: 1.39, Q1		41, 35-57	08/2017
7	Pointwise multipliers for Sobolev and Besov spaces of dominating mixed smoothness	2	Có	Journal of Mathematical Analysis and Applications	Có - SCIE IF: 1.58, Q1		452, 1, 62-90	08/2017
8	Isotropic and dominating mixed Lizorkin - Triebel spaces - a comparison	2	Có	Analysis Mathematica	Có - SCIE IF: 0.78, Q3		43, 2, 303-337	08/2017

9	Pointwise multipliers for Besov spaces of dominating mixed smoothness - II	2	Có	Science China Mathematics	Có - SCIE IF: 1.33, Q2		60, 11, 2241- 2262	09/201 7
10	On a problem of Jaak Peetre concerning pointwise multipliers of Besov spaces	2	Có	Studia Mathematica	Có - SCIE IF: 1.02, Q2		243, 2, 207-231	04/201 8
11	Monte Carlo methods for uniform approximation on periodic Sobolev spaces with mixed smoothness	3	Không	Journal of Complexity	Có - SCIE IF: 1.39, Q1		46, 90- 102	06/201 8
12	Identifiability of diffusion coefficients for source terms of non-uniform sign	2	Không	Inverse Problems and Imaging	Có - SCIE IF: 1.63, Q1		13, 5, 1007- 1021	07/201 9
13	Greedy algorithms and Kolmogorov widths in Banach spaces	1	Có	Journal of Approximation Theory	Có - SCIE IF: 1.09, Q2		251, Bài báo số 105344	03/202 0
14	Unified analysis of periodization-based sampling methods for Matern covariances	4	Không	SIAM Journal on Numerical Analysis	Có - SCIE IF: 3.21, Q1		58, 5, 2953- 2980	10/202 0
15	Computation complexity of deep relu neural networks in high-dimensional approximation	3	Có	Journal of Computer Science and Cybernetics	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		37, 3, 291-320	09/202 1

16	Deep ReLU neural networks in high-dimensional approximation	2	Không	Neural Networks	Có - SCIE IF: 8.05, Q1		142, 619-635	10/2021
17	s-Numbers of embeddings of weighted Wiener algebras	3	Có	Journal of Approximation Theory	Có - SCIE IF: 1.09, Q1		279, Bài báo số 105745	07/2022
18	Best n-term approximation of diagonal operators and application to function spaces with mixed smoothness	2	Có	Analysis Mathematica	Có - SCIE IF: 0.78, Q2		48, 4, 1127-1152	07/2022
19	Analyticity of parametric elliptic eigenvalue problems and applications to quasi-Monte Carlo methods	1	Có	Complex Variables and Elliptic Equations	Có - SCIE IF: 0.84, Q2		69, 1, 1-21	05/2023
20	Optimal numerical integration and approximation of functions on $\mathbb{R}^d$ equipped with Gaussian measure	2	Có	IMA Journal of Numerical Analysis	Có - SCIE IF: 2.60, Q1		44, 2, 1242-1267	08/2023
21	Deep ReLU neural network approximation in Bochner spaces and applications to parametric PDEs	3	Không	Journal of Complexity	Có - SCIE IF: 1.39, Q1		79, Bài báo số 101779	12/2023
22	Pseudo s-numbers of embeddings of Gaussian	1	Có	Journal of Approximation Theory	Có - SCIE IF: 1.09, Q2		309, Bài báo số 106159	02/2025

	weighted Sobolev spaces						
--	----------------------------	--	--	--	--	--	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 13 ([4] [5] [6] [7] [8] [9] [10] [13] [17] [18] [19] [20] [22])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 0 / []

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

T T	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):
- Giờ giảng dạy
- + Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
- + Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):
- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:
- + Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:
- + Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:
- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐
- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:
- + Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐
- Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:
- + Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐
- Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hải Phòng, ngày 27 tháng 06 năm 2025

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Kiên